TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 01 - 2023
V/v: Chị Trần Thị Hồng G xin ly hôn anh Phạm Văn L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiển.

Ông Đoàn Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Hồng G**, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 02, xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt có lý do)

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 02, xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng G trình bày***:

Chị và anh Phạm Văn L tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 10 năm 2009 tại UBND xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ngay sau kết hôn, cuộc sống giữa chị và anh L đã không có hạnh phúc do anh L không tu chí làm ăn, rượu chè, cờ bạc, chửi và đánh chị. Tháng 8 năm 2017, vì kinh tế gia đình, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời hạn 05 năm. Trong thời gian này, tiền chị gửi về anh L sử dụng chơi cờ bạc không những thế anh L còn công khai quan hệ với người phụ nữ khác. Tháng 8 năm 2022, hết hạn hợp đồng, chị về nước, do xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị đón hai con về ở tại nhà mẹ đẻ chị tại thôn B, xã VT, huyện V từ đó đến nay, anh chị sống ly thân, gặp nhau ở đường không hỏi, không nhìn nhau, như người xa lạ. Nay, để chị và các con ổn định cuộc sống, chị xin ly hôn anh L.

Chị và anh Phạm Văn L có hai con chung là Phạm Tiến M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 và Phạm Tú A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2011. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Hiện chị đã xin đi làm công ty ở gần nhà để tiện đưa đón, chăm sóc hai con. Việc chị nuôi con còn có sự quan tâm, hỗ trợ về vật chất, tinh thần của gia đình chị.

Chị và anh Phạm Văn L không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Chị tự nguyện chịu cả 300.000 án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 12 năm 2022, bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:***

Anh và chị Trần Thị Hồng G tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 10 năm 2009 tại UBND xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trong cuộc sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về kinh tế gia đình. Năm 2017, chị G đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Năm 2022, chị G hết hạn hợp đồng về nước nhưng không về nhà anh ở. Vì nghĩ đến các con, anh đã động viên chị G quay về đoàn tụ nhưng

không được. Nay chị G xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm không còn, anh thuận tình ly hôn.

Anh và chị Trần Thị Hồng G có hai con chung là Phạm Tiến M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 và Phạm Tú A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2011. Ly hôn, về phía anh cũng muốn nuôi con nhưng nếu chị G có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh đồng ý.

Anh và chị Trần Thị Hồng G không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Về án phí ly hôn, nếu chị G tự nguyện nộp toàn bộ, anh đồng ý.

Do công việc của anh bận, mặt khác, anh không muốn gặp mặt chị G nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

**** Tại các biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đều đề ngày 04 tháng 11 năm 2022, cháu Phạm Tiến M và cháu Phạm Tú A đều trình bày:***

Bố đẻ cháu là Phạm Văn L. Mẹ đẻ cháu là Trần Thị Hồng G. Hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 04 tháng 11 năm 2022, bà Trần Thị L (mẹ đẻ chị G) trình bày:***

Chị G, anh L kết hôn năm 2009. Về mâu thuẫn giữa anh chị, theo bà được biết là có, nguyên nhân do anh L không tu chí làm ăn, hay chửi, đánh chị G. Nay chị G xin ly hôn anh L, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Chị G, anh L có hai con chung là Phạm Tiến M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 và Phạm Tú A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2011. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị G nuôi dưỡng. Chị G hiện đi làm công ty, có công việc, có thu nhập và có nơi ở ổn định. Việc chị G nuôi con còn có sự quan tâm, hỗ trợ của gia đình bà.

Chị G, anh L không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến bà và gia đình bà.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 02 tháng 12 năm 2022, ông Phạm Văn L (bố đẻ anh L) trình bày:***

Chị G, anh L kết hôn năm 2009. Về mâu thuẫn giữa anh chị, ông không biết, ông chỉ biết sau khi chị G đi làm ăn xa về thì không về nhà ông mà về nhà ngoại ở. Nay chị G xin ly hôn anh L, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị G, anh L có hai con chung là Phạm Tiến M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 và Phạm Tú A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2011. Nếu anh chị ly hôn, ông được biết anh L đã đồng ý để chị G nuôi cả hai con và anh L không phải cấp dưỡng.

Chị G, anh L không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến gia đình ông.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 22 tháng 11 năm 2022, đại diện thôn 02, đại diện UBND xã VĐ và đại diện Công an xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Anh L, chị G đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã VĐ, huyện V. Anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã VĐ, huyện V vào ngày 23 tháng 10 năm 2009. Anh chị có hai con chung là Phạm Tiến M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 và Phạm Tú A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2011. Nay chị G xin ly hôn anh L, về hôn nhân và về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến các tổ chức tín dụng và đoàn thể tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đều đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị G được ly hôn anh L. Giao hai con chung của anh chị là Phạm Tiến M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 và Phạm Tú A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2011 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh

L không phải cấp dưỡng nuôi con. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Chị G tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Hồng G khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn L, anh L có nơi cư trú tại xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Hồng G, anh Phạm Văn L đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo trình tự vắng mặt anh L và tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị G, anh L theo quy định tại khoản 4 Điều 207, các Điều 208, 209, 210, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng G và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 23 tháng 10 năm 2009, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính, theo chị G là do anh L không tu chí làm ăn, rượu chè, cờ bạc, chửi và đánh chị, về phía anh L cho rằng mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống và về kinh tế gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không có biện pháp giải quyết dứt điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nay anh chị đều xác định tình cảm không còn, chị G xin ly hôn, anh L thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xử cho ly hôn giữa chị G và anh L.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Hồng G và anh Phạm Văn L có hai con chung là Phạm Tiến M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 và Phạm Tú A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2011. Ly hôn, chị G đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con, anh L đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con, HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị G, anh L, giao hai con chung của anh chị cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng G và anh Phạm Văn L thống nhất trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản, anh chị không yêu cầu, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Xét việc chị Trần Thị Hồng G tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là tự nguyện, HĐXX chấp nhận.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hồng G, anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng G và anh Phạm Văn L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Trần Thị Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Tiến M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 và Phạm Tú A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2011. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng cho hai con chung cùng chị Trần Thị Hồng G.

2.2. Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Hồng G và anh Phạm Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng G tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001296 đề ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành án phí. Chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hồng G, anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình (CNKH số 39, ngày 23 tháng 10 năm 2009);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương